

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và một số công tác trọng tâm tháng 12/2021 (Từ ngày 15/10/2021 đến ngày 14/11/2021)

Trong tháng, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt công tác phòng, chống dịch Covid-19; các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn; hoạt động sản xuất, kinh doanh từng bước được khôi phục, đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, từ giữa tháng 10 đến nay tình hình dịch bệnh có xu hướng diễn biến phức tạp trở lại, số ca tử vong, ca F0 tăng cao, số ca nhiễm trong cộng đồng hàng ngày chiếm tỷ lệ cao và liên tục tăng, trong đó: có nhiều ca đã được tiêm từ 1 - 2 mũi vắc-xin.

Trước những khó khăn, thách thức nhưng kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng đạt được kết quả tích cực: các cấp, các ngành và địa phương tập trung rà soát, dồn sức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm 2021; triển khai phương châm hành động của Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025 “Đoàn kết, Kỷ cương, Hành động, Sáng tạo, Đột phá, Phát triển” và các chương trình, kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XI. Tín dụng tăng trưởng khá; hàng hóa lưu thông được thông suốt, thương mại điện tử có bước phát triển; các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 tiếp tục được thực hiện khẩn trương; tiến độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 đảm bảo theo số lượng được phân bổ; tình hình sản xuất nông nghiệp tương đối thuận lợi, năng suất, sản lượng lúa tăng khá, giá cả hàng hóa nông sản tăng⁽¹⁾; sản xuất công nghiệp được phục hồi nhanh; tổ chức dạy và học bằng các hình thức linh hoạt, đảm bảo an toàn; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội được tập trung triệt phá, ngăn chặn, đẩy lùi kịp thời.

I. HOẠT ĐỘNG CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH THÁNG 11 NĂM 2021

1. Các cuộc họp, làm việc của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh

Tháng 11/2021, ngoài chỉ đạo điều hành xử lý các công việc thường xuyên theo kế hoạch và chương trình công tác Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì và tham dự 870 cuộc họp, hội nghị; 09 cuộc tiếp và làm việc với Bộ, ngành Trung ương, doanh nghiệp; 31 cuộc kiểm tra, khảo sát

¹ Lúa tươi tăng 100đ/kg; tôm sú tăng 5.000-10.000đ/kg; tôm thẻ chân trắng tăng 3.000-7.000đ/kg; cua biển tăng 10.000đ/kg; bò hơi tăng 10.000đ/kg...

thực tế địa phương. Đồng thời, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo một số vấn đề quan trọng như:

Chỉ đạo phổ biến, triển khai thực hiện các nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ như: Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô; Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH 15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid; Nghị định số 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu; Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 11/08/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 01/11/2021 của Chính phủ về giải pháp bố trí đối với Đội viên Đề án thí điểm tuyển chọn trí thức trẻ tình nguyện về các xã tham gia phát triển nông thôn, miền núi giai đoạn 2013 - 2020 sau khi hoàn thành nhiệm vụ; Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 18/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng CAND giai đoạn 2021 - 2027”; Quyết định số 135/NQ-CP ngày 29/10/2021 của Chính phủ về ủy quyền báo cáo QH bổ sung dự toán 2021 từ nguồn vốn viện trợ ODA không hoàn lại cho Ủy ban Dân tộc; Quyết định số 1869/QĐ-TTg ngày 05/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 856/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 phê duyệt Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2021 - 2023 và Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2021; Quyết định số 1871/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phân công đảm nhiệm chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quốc gia về tài nguyên nước; Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 1881/QĐ-TTg ngày 09/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm năm 2020; Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày

01/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý khu bảo tồn biển Việt Nam...

2. Ban hành các văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 06 kế hoạch; 340 Quyết định cá biệt và 1.930 văn bản hành chính khác. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 22 thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại các cuộc họp, hội nghị với các sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Tập trung kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh Covid-19

- Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình dịch bệnh Covid-19. Phối hợp tổ chức lễ tưởng niệm đồng bào tử vong, cán bộ, chiến sĩ hy sinh trong đại dịch Covid-19. Đến nay, Bộ Y tế phân bổ cho tỉnh 1.054.606 liều vắc xin, tỷ lệ tiêm đạt 92,9%, trong đó: (i) Công dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 1 đạt 82,9%, tiêm mũi 2 đạt 49,23%; (ii) Trẻ em từ lớp 9 đến lớp 12 được tiêm mũi 1 đạt 97,6%, tiêm mũi 2 đạt 0,03%.

- Đến nay, tỉnh đã thiết lập 191 vùng cách ly y tế⁽²⁾, tổ chức hoạt động 07 Bệnh viện dã chiến (quy mô 1.100 giường) và 03 khu điều trị để thực hiện thu dung, sàng lọc, cách ly, điều trị các trường hợp mắc bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh⁽³⁾ và triển khai hoạt động Trung tâm Hồi sức tích cực người bệnh Covid-19 nặng⁽⁴⁾. Trung dụng 123 trường học⁽⁵⁾ làm khu cách ly y tế. Tính đến nay tổng số trường hợp đã thực hiện cách ly trên toàn tỉnh 76.108 trường hợp⁽⁶⁾. Trong tháng ghi nhận 3.142 ca mắc mới Covid-19 (gấp 11,6 lần so với tháng trước)⁽⁷⁾, tính đến nay toàn tỉnh ghi nhận 5.815 ca (trong đó: có 42 ca nhập cảnh), đã điều trị khỏi cho 2.676 ca, có 37 ca tử vong.

- Tập trung hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, đến ngày 16/11/2021 đã cấp phát cho 268.603 đối tượng, kinh phí hơn 413,58 tỷ đồng, đạt 94,8% tổng số đối tượng được phê duyệt, trong đó:

(1) Chính sách giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: có 810 đơn vị với 22.905 lao động được giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp với tổng số tiền

² Đã gỡ phong tỏa 127 vùng.

³ Gồm: (i) Khu điều trị bệnh Covid-19 trong Bệnh viện ĐKKV Cầu Ngang (quy mô 40 giường); (ii) Trong Trung tâm Y tế huyện Trà Cú (quy mô 100 giường) và (iii) Trong Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải (quy mô 80 giường).

⁴ Trục thuộc Bệnh viện dã chiến số 1 (quy mô 100 giường, đã đưa vào hoạt động trước 50 giường).

⁵ Gồm: 50 trường Mầm non; 58 trường Tiểu học; 10 trường THCS; 05 trường THPT/GDTX.

⁶ Đã hoàn thành cách ly tại cơ sở y tế 2.569 trường hợp; tử vong 34 trường hợp; đang cách ly tại cơ sở y tế 2.347 trường hợp, cách ly tập trung 2.245 trường hợp, cách ly tại nhà/nơi cư trú 4.860 trường hợp.

⁷ Tháng 10/2021 mắc 271 ca.

2.501.742.099 đồng.

(2) Chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất: đã duyệt và chi 06 đơn vị⁽⁸⁾, tổng số lao động được hỗ trợ là 736 người với tổng số tiền 4.566.280.686 đồng.

(3) Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương: đến nay đã chi cho 3.217 đối tượng với kinh phí 11.962.820.000 đồng, đạt 99,93%.

(4) Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc: đã chi cho 24.781 đối tượng với số tiền 33.958.000.000 đồng, đạt 98,47%.

(5) Chính sách chấm dứt hợp đồng không đủ điều kiện hưởng bảo hiểm thất nghiệp: đã chi cho 05 lao động với số tiền 20.550.000 đồng, đạt 100%.

(6) Chính sách hỗ trợ đối với trẻ em và người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế (F0 và F1): đã chi hỗ trợ cho 4.801 người với số tiền 7.819.961.000 đồng.

(7) Chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật; chính sách hỗ trợ hướng dẫn viên du lịch: chi hỗ trợ 29 người là viên chức hoạt động nghệ thuật và 12 người hướng dẫn viên du lịch với số tiền 152,11 triệu đồng, đạt 100%.

(8) Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh: chi cho 4.023 hộ với kinh phí 12,069 tỷ đồng, đạt 89,41%.

(9) Chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất: ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh giải ngân cho 05 khách hàng⁽⁹⁾ vay vốn với tổng số tiền 848,112 triệu đồng cho 292 lao động.

(10) Chính sách đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác: chi hỗ trợ 231.734 đối tượng với kinh phí 347,601 tỷ đồng, đạt 95,13%.

- Thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ, đến ngày nay đã hỗ trợ cho 53.862 người với số tiền 120,1 tỷ đồng.

- Vận động Quỹ phòng, chống dịch Covid-19: đến nay, đã tiếp nhận đóng góp của 960 tập thể và cá nhân với tổng số tiền và hiện vật hơn 68,511

⁸ Gồm: Trường mầm non - Tiểu học Việt Anh Trà Vinh, Công ty cổ phần cắt may SOFA Hoa Sen, Công ty lương thực Trà Vinh, CTy TNHH Giày Da Mỹ Phong - Tiểu Cần - Trà Vinh; CTy TNHH Giày Da Mỹ Phong - Trà Cú - Trà Vinh; Cty TNHH Giày Da Mỹ Phong - PX Phước Hưng - Trà Cú - Trà Vinh.

⁹ Gồm: Công ty Cổ phần Du lịch Trà Vinh, Công ty May Hồng Việt Trà Vinh, Cty CP Mỹ Lan, Cty CP Rynan Smart, Cty CP Rynan Technologics.

tỷ đồng⁽¹⁰⁾, đến nay đã phân bổ trên 21,721 tỷ đồng (hiện vật được phân bổ ngay khi tiếp nhận) cho Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh cấp huyện, các đơn vị, khu cách ly, chốt kiểm soát và lực lượng tuyến đầu...

2. Tài chính - ngân hàng

Trong tháng, thu ngân sách 727,879 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng thu 13.148,8 tỷ đồng, đạt 93,7% dự toán⁽¹¹⁾, trong đó: thu nội địa 4.318,8 tỷ đồng, đạt 86,4% dự toán, tăng 2,8% so với cùng kỳ; một số khoản như: thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (tăng gấp đôi cùng kỳ), thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (tăng 15,2%), các khoản thu từ nhà đất (tăng 31,1%), các loại phí, lệ phí (tăng 3%), thu khác ngân sách (tăng 23,3%)... Chi ngân sách trong tháng hơn 880 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng chi 8.374,7 tỷ đồng, đạt 75,6% dự toán, tăng 5,6% so với cùng kỳ. Thực hiện Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ, đến kỳ khóa sổ tháng 10/2021, tổng số thuế, tiền thuê đất được gia hạn 84,476 tỷ đồng⁽¹²⁾.

Tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD) ổn định, đến cuối tháng 11/2021 vốn huy động đạt 39.300 tỷ đồng, tăng 7,6% so với cuối năm 2020; các TCTD đẩy mạnh kích cầu tín dụng vào cuối năm, hoạt động tín dụng tăng trưởng khá so với tháng trước và cùng kỳ, tổng dư nợ cho vay 31.850 tỷ đồng⁽¹³⁾, tăng 9,2% so với cuối năm 2020; nợ xấu được kéo giảm so với cùng kỳ (1,08%/cùng kỳ 1,11%). Các TCTD tiếp tục đồng hành, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tiếp tục thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi suất và giữ nguyên nhóm nợ cho 438 khách hàng, lũy kế đến nay 1.029 khách hàng, với dư nợ 229,25 tỷ đồng.

3. Về tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

3.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Về nông nghiệp:

* *Cây lúa*: xuống giống 35 ha lúa thu đông; lũy kế từ đầu vụ xuống giống 75.163 ha, vượt 7,4% kế hoạch. Từ đầu năm đến nay: tổng diện tích lúa xuống giống đạt 209.016 ha, đạt 101,9% kế hoạch, tăng 7,6% so với cùng kỳ (tương đương 3.901 ha); thu hoạch 135.545 ha, năng suất bình quân 5,69 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,74 tấn/ha). Riêng lúa vụ mùa năm 2022, xuống giống 32 ha, lũy kế đến nay đã xuống giống 1.090, bằng 81,3% so với cùng kỳ.

¹⁰ Trong đó: 903 tập thể, cá nhân đóng góp tiền 44.263.615.461đ; 57 tập thể, cá nhân đóng góp hiện vật tổng trị giá 24.248.175.000đ.

¹¹ Nếu loại trừ thu chuyên nguồn, số dư tạm ứng, kinh phí cải cách tiền lương (3.849,293 tỷ đồng) thì tổng thu 11 tháng đạt 9.299,599 tỷ đồng, đạt 91,4% dự toán, tăng 0,7% so với cùng kỳ.

¹² Giảm 998 triệu đồng so với kỳ báo cáo trước do một số đơn vị khai bổ sung, điều chỉnh giảm số thuế phải nộp; đến 12/11/2021: số thuế được gia hạn đã nộp vào ngân sách nhà nước là 27,264 tỷ đồng, số thuế còn lại phải nộp là 57,212 tỷ đồng.

¹³ Trong đó: cho vay nông nghiệp, nông thôn đạt 17.950 tỷ đồng, chiếm 56,4%/tổng dư nợ; cho vay xuất khẩu đạt 400 tỷ đồng; cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 3.400 tỷ đồng; cho vay chăn nuôi heo đạt 229,38 tỷ đồng...

* *Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác*: gieo trồng 3.485 ha, lũy kế từ đầu năm đến nay gieo trồng 50.197 ha, đạt 98,9% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 2,8% (535 ha), trong đó: màu lương thực 6.000 ha, màu thực phẩm 30.546 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 13.651 ha. Giá cả rau màu, dưa hấu, dưa khô... tăng khá so với trước.

* *Chăn nuôi*: tình hình dịch tả heo châu Phi và bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu- bò còn diễn biến phức tạp, khó lường: (1) Bệnh viêm da nổi cục phát sinh tại 360 hộ chăn nuôi, số bò mắc bệnh 566 con, đến 15/11/2021 dịch bệnh xảy ra tại 66/106 xã, phường, thị trấn thuộc 8/9 huyện, thị xã, thành phố⁽¹⁴⁾, đã tiêu hủy 765 con/tổng số bò nghi mắc 3.600 con; (2) Dịch tả heo châu Phi phát sinh tại 25 hộ chăn nuôi, số heo mắc bệnh 666 con, đến 15/11/2021 dịch bệnh đã xảy ra tại 19/106 xã, phường, thị trấn thuộc 04 huyện (Cầu Kè, Cầu Ngang, Duyên Hải và Càng Long), tiêu hủy 1.152 con/tổng đàn 1.395 con. Ban Chỉ đạo tỉnh quan tâm chỉ đạo theo dõi sát sao tình hình, chỉ đạo cơ quan thú y và các địa phương tiến hành tiêu hủy, tiêu độc khử trùng, khoanh vùng hạn chế dịch bệnh lây lan diện rộng⁽¹⁵⁾.

Công tác kiểm dịch, tiêm phòng trên đàn vật nuôi tiếp tục được quan tâm⁽¹⁶⁾; tập trung tuyên truyền, khuyến khích các hộ chăn nuôi, trang trại tái đàn heo theo hướng dẫn, đảm bảo an toàn sinh học và an toàn dịch bệnh.

* *Thủy lợi nội đồng và phòng chống thiên tai*:

Chỉ đạo các huyện: Cầu Kè, Tiểu Cần, Trà Cú, Càng Long tổ chức thu vét lục bình trên 122.284 m kênh cấp II, cấp III khơi thông dòng chảy, đảm bảo nước phục vụ sản xuất. Hoàn thành Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trong điều kiện biến đổi khí hậu; hoàn thiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025.

Chỉ đạo trực ban 24/24 phòng, chống thiên tai và theo dõi chặt chẽ tình hình các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển; đến ngày 15/11/2021, thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2021 đạt 44,8% kế hoạch. Trong đợt triều cường (ngày 06-08/11/2021) gây sạt lở 02 vị trí tuyến đê trên địa bàn huyện Cầu Kè với chiều dài 17 m, sâu 2 m, ảnh hưởng đến 42 hộ dân với diện tích khoảng 22 ha (đã khắc phục các vị trí sạt lở); vỡ 06 đoạn đê bao cục bộ với chiều dài 24 m, tràn 04 đoạn bờ bao với chiều dài 236 m trên địa bàn huyện Trà Cú (đã khắc phục 04 đoạn vỡ bờ bao với chiều dài 13 m, còn lại các vị trí khác chưa khắc phục được).

¹⁴ Huyện Tiểu Cần chưa phát sinh dịch bệnh Viêm da nổi cục.

¹⁵ Đối với bệnh Viêm da nổi cục: đến nay đã sử dụng 150.624 liều vắc xin; 12.003 lít thuốc sát trùng, phun xịt tại 278.467 lượt hộ và cấp phát 11.829 tài liệu bướm, áp phích. Đối với dịch tả heo Châu Phi: cấp 2.990 lít thuốc sát trùng, đã triển khai phun xịt 2.209 lít tại 51.763 lượt hộ.

¹⁶ Đến nay tiêm phòng: cúm 1,69 triệu con gia cầm (đạt 23% tổng đàn); LMLM gia súc 96,8 ngàn con (25,2% tổng đàn); Đại chó 15.672 liều (9,6% tổng đàn); heo tai xanh 43.450 liều, các loại bệnh thông thường trên đàn gia súc 484,6 ngàn liều và các loại bệnh thông thường trên đàn gia cầm 3,79 triệu liều. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh: gia súc 240.873 con; gia cầm 1,7 triệu con, 804 tấn sản phẩm động vật.

* *Xây dựng nông thôn mới*: hoàn thành hồ sơ trình Trung ương thẩm định, công nhận huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới. Tập trung rà soát, đánh giá công nhận xã nông thôn mới năm 2021, có thêm 05 xã đạt 19/19 tiêu chí, đến nay: toàn tỉnh có 78 xã đạt 19/19 tiêu chí (chiếm 91,8% tổng số xã); 07 xã đạt 14-18 tiêu chí; 92,1% hộ và 93,6% ấp đạt chuẩn nông thôn mới; 11 xã nông thôn mới nâng cao; 05 ấp nông thôn mới kiểu mẫu.

* *Chương trình OCOP*: tổ chức chấm điểm, xem xét công nhận, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP năm 2021; khảo sát, đánh giá hỗ trợ cửa hàng OCOP, thực hiện ghi hình và đưa phóng sự Câu chuyện sản phẩm OCOP.

b) Lâm nghiệp:

Triển khai trồng 3,08 ha rừng thay thế tại khu vực Cồn Hô, xã Đức Mỹ (Càng Long) và 01 ha rừng tập trung. Đến nay trồng mới 52 ha rừng tập trung, đạt 82,53% kế hoạch; chăm sóc 282,714 ha rừng, đạt 91,2% kế hoạch; khoán bảo vệ rừng 3.290 ha, đạt 100% kế hoạch; tổ chức 1.117 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 21 trường hợp vi phạm.

c) Thủy sản:

Trong tháng, thả nuôi hơn 1.041 ha, lũy kế 11 tháng nuôi trên diện tích 55.649 ha (đạt 91,6% kế hoạch), gồm: các con nuôi chủ lực: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển, cá tra; trong đó: diện tích nuôi tôm càng xanh tăng gấp đôi so với cùng kỳ. Trong tháng sản lượng thủy hải sản 22.640 tấn⁽¹⁷⁾, nâng tổng số 11 tháng 209.266 tấn, đạt 98,5% kế hoạch, giảm 11,9% so với cùng kỳ (tương đương 3.289 tấn), trong đó: sản lượng nuôi 143.786 tấn (đạt 100,8% kế hoạch, giảm 9,1% so với cùng kỳ), sản lượng khai thác 65.480 tấn, đạt 93,6% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 17,5% (tương đương 4.448 tấn). Quan tâm tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân trong khai thác hải sản, đến nay đã hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho 215/230 tàu cá⁽¹⁸⁾, chiếm 93,5% tổng số tàu cá đang hoạt động; cấp phát, hướng dẫn ghi nhật ký khai thác cho 176 chủ tàu cá trên địa bàn tỉnh.

3.2. Về sản xuất công nghiệp

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 31/8/2021 về tổ chức hoạt động sản xuất trở lại của các doanh nghiệp theo trạng thái bình thường mới (giai đoạn 2), có 65 doanh nghiệp hoạt động bình thường trở lại, tạo việc làm cho 30.849 lao động⁽¹⁹⁾.

¹⁷ Do lượng nước trong nội đồng thấp, ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và phát triển các loài thủy sản nên sản lượng nội đồng giảm; khai thác hải sản do giá nhiên liệu tăng và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên số lượng tàu ra khơi không nhiều, sản lượng khai thác hải sản giảm so cùng kỳ.

¹⁸ Trong đó: có 205 tàu cá chiều dài 15m đến dưới 24m, 10 tàu có chiều dài 24m trở lên.

¹⁹ Trong khu Công nghiệp: 16 doanh nghiệp, với tổng số lao động: 14.221 người; Ngoài khu công nghiệp: 22 doanh nghiệp (có 02 DN thực hiện 3 tại chỗ), với tổng số lao động: 14.716 người; Địa bàn các huyện, thị xã: 27 doanh nghiệp, với tổng số lao động 1.912 người. (thị xã Duyên Hải 01 DN, 48 người; huyện Cầu Kè 02

Trong tháng, sản xuất công nghiệp phục hồi tốt, hầu hết sản lượng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều tăng khá⁽²⁰⁾; trong tháng, giá trị sản xuất công nghiệp ước 2.263 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng hơn 29.430 tỷ đồng, đạt 62,2% kế hoạch, giảm 12,1% so với cùng kỳ, trong đó: (i) Công nghiệp chế biến chế tạo giảm 13,4%; (ii) Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 11,4%; (iii) Khai khoáng tăng 0,3% và (iv) Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,9%. Tuy có nhiều khó khăn nhưng doanh nghiệp chủ động sắp xếp phương án sản xuất theo diễn biến dịch bệnh để hoàn tất các đơn hàng. Một số sản phẩm công nghiệp tăng khá so với cùng kỳ như: sản xuất túi xách (tăng 16,5%), thuốc viên các loại (tăng 18,3%), than hoạt tính (tăng 10,7%), nước sinh hoạt (tăng 1,7%); một số sản phẩm giảm mạnh như: giày thành phẩm (giảm 78,7%), đường kết (giảm 51,9%), may mặc (giảm 33,1%), gạo xay xát (giảm 23,1%), thủy sản đông lạnh (giảm 21,7%)...

Phát triển điện: tiếp tục theo dõi, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai 05 dự án điện gió, đến nay đã lắp đặt hoàn thiện 79/79 turbine, có 64/79 turbine được công nhận phát điện thương mại (COD), tổng công suất 256,8 MW. Đầu năm đến nay, phát triển mới 24,51 km đường dây trung thế, 21,23 km đường dây hạ thế, 292 trạm biến áp, phát triển 3.124 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99,25% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh (vượt 0,05% chỉ tiêu Nghị quyết).

3.3. Thương mại - dịch vụ

Xây dựng Kế hoạch thực hiện chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Phát triển 01 cửa hàng tiện lợi⁽²¹⁾; sức mua tại các chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi bình thường trở lại; giá cả hàng hóa cơ bản ổn định, nguồn cung đảm bảo. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước 2.104 tỷ đồng, lũy kế 11 tháng 29.097,8 tỷ đồng, đạt 80,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 7,7%, giảm cả 04 lĩnh vực: (i) Bán lẻ hàng hóa giảm 4,8%; (ii) Dịch vụ lưu trú, ăn uống giảm 11,8%; (iii) Dịch vụ du lịch giảm 31,6% và (iv) Dịch vụ khác giảm 17,8%.

3.4. Công tác xúc tiến đầu tư, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; kinh tế tập thể, hợp tác xã

DN, 131 người; huyện Châu Thành 04 DN, 171 người; Càng Long 03 DN, 130 người; huyện Trà Cú 13 DN, 1.210 người; huyện Tiểu Cần 04 DN, 220 người).

²⁰ Một số mặt hàng tăng khá so với tháng trước như: sản xuất túi xách gấp 3,4 lần; bộ truyền dẫn dùng trong ô tô tăng 44,6%; gạo xay xát tăng 38,4%; may mặc tăng 29,8%; giày thành phẩm tăng 30%; than hoạt tính tăng 25%...

²¹ Cửa hàng Bách Hóa Xanh trên địa bàn xã Ngũ Lạc; toàn tỉnh hiện 25 cửa hàng tiện lợi; 04 máy bán hàng tự động; 07 siêu thị, 02 Trung tâm thương mại, 116 chợ.

Hỗ trợ, hướng dẫn cho 06 đơn vị⁽²²⁾ tham gia xây dựng gian hàng trên các sàn thương mại điện tử Tiki, Voso, Sendo; giới thiệu, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm⁽²³⁾; triển khai kế hoạch hỗ trợ đưa sản phẩm của hộ sản xuất lên sàn thương mại điện tử; quan tâm công tác khuyến công⁽²⁴⁾. Hoàn thành chằm vòng sơ khảo và công bố kết quả lựa chọn vào vòng chung kết cuộc thi Sáng tác biểu trưng (Logo) và khẩu hiệu (Slogan) khởi nghiệp tỉnh Trà Vinh⁽²⁵⁾. Ban Quản lý dự án SME và đơn vị đào tạo Công ty TNHH Xlabs thực hiện các hoạt động đào tạo chuyển giao và xây dựng website Vườn ươm doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh.

Tiếp và làm việc với 08 nhà đầu tư trong và ngoài nước⁽²⁶⁾; trong tháng không có dự án được cấp mới quyết định chủ trương đầu tư. Từ đầu năm đến nay cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 17 dự án trong và ngoài nước⁽²⁷⁾, thấp hơn cùng kỳ 16 dự án⁽²⁸⁾.

Phát triển doanh nghiệp đạt kết quả khả quan hơn so với 03 tháng trước, trong tháng, phát triển mới 38 doanh nghiệp⁽²⁹⁾, tính từ đầu năm đến nay phát triển mới 333 doanh nghiệp⁽³⁰⁾ (đạt 66,6% kế hoạch), giải thể 74 doanh nghiệp, tạm dừng hoạt động 69 doanh nghiệp⁽³¹⁾, hoạt động trở lại 07 doanh nghiệp (bằng 10,1% số tạm ngừng); đăng ký giao dịch qua mạng đạt 54,1% (cùng kỳ 50%); chuyển đổi 25 hộ kinh doanh lên doanh nghiệp.

Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể và 10 năm thi hành Luật

²² Gồm: HKD Tài Ký, Công ty TNHH Hồng Liên Trà Vinh, HKD Phạm Thị Phú Phúc (Tinh bột Nghệ), Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đồng Phát Dophaco (Tinh dầu gấc), HKD Chín Di (Bánh tét 9 Di) và DNTN Thuận Thiên Trà Vinh (Gạo Quê tôi ST25). Đến nay có 82 lượt doanh nghiệp/HTX tham gia sản với trên 370 loại sản phẩm, trong đó có khoảng 50 loại sản phẩm OCOP, 60 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và trên 100 loại sản phẩm đạt chứng nhận khác như sản phẩm an toàn, VietGap, ISO,...

²³ Đến nay đã hỗ trợ giới thiệu cho trên 504 lượt doanh nghiệp trong tỉnh biết, tiếp cận liên kết tiêu thụ sản phẩm với các tỉnh.

²⁴ Trong tháng phê duyệt Đề án “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong đóng gói gạo tự động”; nghiệm thu Đề án “Hỗ trợ ứng dụng dây chuyền sản xuất chai PET tự động”; tổng số đề án triển khai, được nghiệm thu 07/11 đề án (không triển khai thực hiện 04 đề án).

²⁵ Có 09 tác phẩm của 05 tác giả/nhóm tác giả.

²⁶ Trong nước: Tổ chức Care tại Việt Nam, quan tâm tìm hiểu điện gió gần bờ, xa bờ và điện mặt trời; Cty CP tập đoàn The Green Solutions, quan tâm Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh; Cty CP Dầu Khí Trà Vinh, quan tâm Cửa hàng xăng dầu tại KCN Cổ Chiên; Cty CP TNHH tập đoàn đầu tư Trương Gia, quan tâm Đầu tư KKT Định An; Cty CP XNK nội thất Vina Miền Tây, quan tâm Xưởng sản xuất thủ công mỹ nghệ (tre, mây, nứa,...); Cty CP ĐT Năng lượng điện Long Định, quan tâm điện gió, điện mặt trời; Cty CP Tập đoàn đầu tư BĐS Leva, quan tâm đầu tư các dự án đô thị. Ngoài nước (Đài Loan): Cty CP Đầu tư Vĩnh Thuận, quan tâm đầu tư vào cụm công nghiệp.

²⁷ Gồm: 16 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đầu tư 10.320,76 tỷ đồng và 01 dự án đầu tư với vốn đầu tư 0,25 triệu USD. Đến nay, toàn tỉnh có 385 dự án còn hiệu lực, trong đó có 42 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 343 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 122.201,4 tỷ đồng. Trong 385 dự án, có: (i) 293 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ; (ii) 44 dự án đang triển khai; (iii) 42 dự án đang thực hiện thủ tục pháp lý; (iv) 06 dự án đang thực hiện thủ tục chấm dứt dự án.

²⁸ Số dự án trong nước thấp hơn 15 dự án nhưng vốn đăng ký cao hơn 5.108 tỷ đồng, số dự án FDI bằng nhau nhưng vốn thấp hơn 0,25 triệu USD.

²⁹ Huyện Cầu Kè đã vượt chỉ tiêu phát triển doanh nghiệp (38/35 doanh nghiệp).

³⁰ Đến nay, toàn tỉnh có 3.248 doanh nghiệp, vốn đăng ký 48.135, số lao động 95.737 (trong đó có 2.803 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 43.776 tỷ đồng, 88.415 lao động (trong đó có 43 doanh nghiệp FDI)).

³¹ So với cùng kỳ, số doanh nghiệp thành lập mới giảm 87, số giải thể tăng 03, số tạm ngừng tăng 06.

Hợp tác xã năm 2012. Phát triển mới 05 HTX, lũy kế 11 tháng phát triển 19 HTX và 01 Liên hiệp HTX, đạt 100% chỉ tiêu Nghị quyết Tỉnh ủy và 200% chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh giao; hiện toàn tỉnh có 175 HTX⁽³²⁾ và 01 Liên hiệp HTX với vốn điều lệ hơn 172 tỷ đồng, thu hút 29.442 thành viên. Đến nay, hoàn tất thủ tục giải thể cho 13/23 HTX đề xuất giải thể, còn lại 01 HTX xin củng cố hoạt động kinh doanh trở lại, 09 HTX chưa hoàn thiện thủ tục giải thể; củng cố 15/51 HTX, còn 28/51 HTX chưa được tiến hành củng cố.

3.5. Đầu tư xây dựng cơ bản, công tác quy hoạch

Mặc dù, có nhiều cố gắng nhưng tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công còn thấp, tổng kế hoạch vốn năm 2021 đã phân bổ 4.249,629 tỷ đồng, đến ngày 12/11/2021 giải ngân đạt 57,4% (cùng kỳ giải ngân 54,2% kế hoạch), trong đó: (i) Vốn giao năm 2021 giải ngân 1.843,126/3.347,24 tỷ đồng, đạt 55,1% kế hoạch; (ii) Vốn năm 2020 chuyển sang năm 2021 giải ngân 597,53/902,389 tỷ đồng, đạt 66,2% kế hoạch.

Hoàn thành báo cáo hiện trạng tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tập trung xây dựng các hợp phần, quan điểm, định hướng quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ

4.1. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục duy trì hoạt động dạy và học trực tuyến đảm bảo an toàn; hỗ trợ, tạo điều kiện cho 1.147 học sinh ngoài tỉnh trở về tham gia học tập; hỗ trợ thiết bị học trực tuyến cho 2.011 học sinh⁽³³⁾. Phối hợp với Công ty cổ phần phát triển đầu tư SHB hỗ trợ trao 40 máy tính bảng cho học sinh khó khăn tại 37 trường THPT trên địa bàn tỉnh⁽³⁴⁾; thực hiện *Chương trình “Sóng và máy tính cho em”* đạt nhiều kết quả tích cực⁽³⁵⁾. Công nhận Thư viện trường tiểu học Nhị Long huyện Càng Long đạt chuẩn năm 2021. Tổng kết năm học 2020-2022 và triển khai hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2021-2022 đối với giáo dục dân tộc, quản lý chất lượng và giáo dục thường xuyên; xây dựng Đề án “*Xây dựng mô hình công dân học tập giai đoạn 2021 - 2030*”.

4.2. Khoa học và công nghệ

Nghiệm thu 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phê duyệt 01 đề tài, công nhận 01 kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Công nhận 251 sáng kiến thi đua cấp tỉnh của 251 cá nhân. Tiếp nhận, chấm điểm vòng sơ khảo 19 hồ sơ tham dự Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

³² Trong đó có 131 HTX nông nghiệp, 28 HTX phi nông nghiệp, 16 Quỹ tín dụng.

³³ Gồm: 524 học sinh THPT, 487 học sinh THCS, 1.000 học sinh Tiểu học

³⁴ Trong đó có 03 trường nhận 02 máy: THPT Dương Quang Đông, THPT Nhị Trường, THPT Bùi Hữu Nghĩa.

³⁵ Tính đến ngày 25/10/2021 đã vận động quyên góp, ủng hộ với số tiền là 2.359.260.795đ, hỗ trợ cho 661 học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

năm 2021. Thực hiện 02 chuyên mục khoa học và công nghệ⁽³⁶⁾; kiểm định kiểm định 4.466 phương tiện đo⁽³⁷⁾. Ban hành Kế hoạch khảo sát các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất kinh doanh các sản phẩm hàng hóa và nhu cầu hỗ trợ hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ phát triển tài sản trí tuệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

5. Bảo trợ xã hội, phúc lợi xã hội và các lĩnh vực xã hội khác

5.1. Đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Giải quyết việc làm cho 1.993 lao động, lũy kế 11 tháng giải quyết việc làm cho 18.643 lao động, đạt 81,1% kế hoạch; đưa 292 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 32,4% kế hoạch. Giải quyết trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp cho 421 lao động, lũy kế 11 tháng giải quyết trợ cấp cho 12.024 lao động, với số tiền chi trả 193 tỷ đồng. Xác nhận khai báo sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động cho 36 doanh nghiệp. Ban hành Quy định về tạm trú và quản lý tạm trú đối với người nước ngoài tại doanh nghiệp trong các khu công nghiệp.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã tuyển sinh các cấp trình độ nghề cho 9.500 người⁽³⁸⁾, đạt 50% kế hoạch. Kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc của các Trường Cao đẳng, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên trong việc hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ.

5.2. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Giải quyết chế độ cho 74 trường hợp người có công với cách mạng⁽³⁹⁾, lũy kế 11 tháng giải quyết cho 876 trường hợp. Giám định chất độc hóa học cho 08 trường hợp hoạt động kháng chiến. Tiếp tục điều chỉnh chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng theo Nghị định số 75/2021/NĐ-CP của Chính phủ và điều chỉnh quyết định điều dưỡng tại gia đình năm 2021.

Thực hiện Đề án hỗ trợ gia đình người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở (theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 29/9/2021), đã phân bổ 69,65 tỷ đồng (đạt 100%) cho các địa phương, đến nay đã triển khai thực hiện 1.083/1.943 căn, đạt 55,7%⁽⁴⁰⁾, giải ngân được 5,5 tỷ đồng.

³⁶ Gồm: Kỳ 10 “Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” phát sóng ngày 27/10/2021; Kỳ 11 “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Trà Vinh” phát sóng ngày 10/11/2021.

³⁷ Đến tháng 11/2021 đã kiểm định 37.572 phương tiện đo.

³⁸ Trong đó trình độ cao đẳng 790 sinh viên; cao đẳng 9+: 105, Cao đẳng liên thông: 28 sinh viên; trung cấp 383 học sinh; trình độ sơ cấp: 542 người; đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 là: 827 người; tập huấn chuyên gia khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người 5.120. Số sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng 303 sinh viên, trình độ trung cấp là 20 học sinh.

³⁹ Trong đó: Chế độ thờ cúng liệt sĩ được 27 trường hợp; Cấp 05 thẻ bảo hiểm y tế và giải quyết chế độ mai táng phí cho 31 trường hợp theo Quyết định 290, 62, 49 của Thủ tướng Chính phủ; chế độ mai táng phí cho Hội viên Cựu chiến binh từ trần 16 trường hợp

⁴⁰ Trong đó: (i) xây dựng hoàn thành 119 căn; (ii) đang triển khai xây dựng 964 căn; (iii) chưa triển khai xây dựng là 860 căn.

5.3. Bảo trợ xã hội và giảm nghèo

Các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện trong và ngoài tỉnh ủng hộ tiền và hiện vật trị giá trên 01 tỷ đồng, giúp đỡ cho 15.608 lượt đối tượng. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 và định hướng đến năm 2030. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, đến nay đã giải ngân cho 429 hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn với kinh phí 21,45 tỷ đồng, đạt 82,1% kế hoạch. Hoàn thành rà soát chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị định số 07/2021/NĐ-CP), kết quả sơ bộ toàn tỉnh có 10.301 hộ nghèo, chiếm 3,59% so với tổng số hộ dân cư; 6.096 hộ nghèo là dân tộc Khmer, chiếm 6,91% so với số hộ dân tộc Khmer; 16.914 hộ cận nghèo, chiếm 5,90% so với tổng số hộ dân cư.

5.4. Công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện bình đẳng giới và bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Kiểm tra kết quả rà soát đối tượng hưởng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn các xã. Xử lý vướng mắc công trình cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer tại huyện Tiểu Cần. Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho 09 người có uy tín⁽⁴¹⁾. Thăm, chúc mừng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh nhân lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Triển khai Kế hoạch thực hiện Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2021. Tổng hợp danh sách trẻ em mồ côi do dịch bệnh Covid-19, trẻ em sinh ra do người mẹ nhiễm Covid-19 trình Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam phê duyệt danh sách hỗ trợ.

5.5. Chăm sóc sức khỏe nhân dân

Duy trì thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch Covid-19 trong bệnh viện; tổng lượt khám bệnh, chữa bệnh trong tháng 76.876 lượt⁽⁴²⁾; phát hiện và xử lý 01 ổ dịch sốt xuất huyết⁽⁴³⁾; phát hiện 26 ca sốt xuất huyết⁽⁴⁴⁾; số trẻ dưới 5 tuổi thoát khỏi suy dinh dưỡng 119 trẻ⁽⁴⁵⁾. Số người nhiễm HIV mới được phát hiện 20 người⁽⁴⁶⁾. Ban hành Kế hoạch tổ chức Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2021; đánh giá mức độ nguy cơ và các biện pháp hành chính tương ứng trong phòng, chống

⁴¹ Nâng tổng số đến nay thăm, viếng 43 người có uy tín và người thân (không tính thăm, viếng nhân các dịp Lễ, tết).

⁴² Lũy kế đến nay có 1.293.121 lượt, đạt 75,4% so với kế hoạch.

⁴³ Cộng dồn tổng số ổ dịch được xử lý/ổ dịch được phát hiện là 65/65 ổ, số ổ dịch giảm 69,6% so với cùng kỳ năm 2020 (214 ổ).

⁴⁴ Số ca mắc tăng 03 ca so với tháng trước (mắc 17 ca, bỏ sung 06 ca); cộng dồn mắc 430 ca, giảm 60,7% so với cùng kỳ năm 2020 (1.094 ca), không có tử vong.

⁴⁵ Cộng dồn 1.650 trẻ, đạt 83% kế hoạch.

⁴⁶ Đến ngày 30/10/2021, toàn tỉnh có 2.557 người nhiễm HIV; 1.675 người chuyển sang giai đoạn AIDS; 1.057 người tử vong do HIV/AIDS.

dịch Covid-19; hướng dẫn chăm sóc sức khỏe tại nhà cho người F0; hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Covid-19 ở trẻ em.

5.6. Văn hóa, thể thao và du lịch

Triển khai thực hiện Chiến lược văn hóa đối ngoại của tỉnh giai đoạn 2022-2026, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và bảo vệ các di sản văn hóa tiếp tục được triển khai. Đến nay toàn tỉnh có 256.500/279.383 hộ đạt chuẩn “Gia đình văn hóa”, 739/756 “ấp - xóm văn hóa”, 82 xã “Văn hóa nông thôn mới”, 15 phường, thị trấn “Văn minh đô thị”, 1.147/1.204 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa.

Xây dựng Kế hoạch phục hồi hoạt động ngành du lịch của tỉnh trong điều kiện thích ứng an toàn Covid-19. Thực hiện ghi hình quảng bá Làng nghề Văn hóa - Du lịch Khmer Trà Vinh. Trong tháng, tổng lượt khách lưu trú 1.714 lượt người (*tăng 1,9% so tháng trước*), có 239 lượt khách quốc tế; doanh thu 1,197 tỷ đồng (*tăng 16,8%*); công suất phòng bình quân đạt 13,2% (*tăng 0,9%*)⁽⁴⁷⁾. Kiểm tra, nhắc nhở 37/40 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch trong phòng, chống dịch Covid-19.

6. Tài nguyên và môi trường

Ban hành Quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm Quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Phê duyệt Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030; thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của 05 huyện⁽⁴⁸⁾. Kiểm tra yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đối với 06 dự án; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 03 dự án. Xử lý hơn 259,7 tấn rác thải y tế, hơn 409,2 tấn rác thải sinh hoạt tại các bệnh viện dã chiến, khu cách ly tập trung, đạt 100%. Tổ chức tiêu hủy xác động vật do dịch bệnh viêm da nổi cục trên trâu-bò, dịch tả heo châu Phi đảm bảo đúng quy định, bảo vệ môi trường.

7. Thông tin và truyền thông

Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh năm 2022. Ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng, chống Covid-19 được thực hiện tốt⁽⁴⁹⁾; cấp mới 18 chứng thư số, 50

⁴⁷ Nâng 11 tháng, doanh thu đạt 151 tỷ đồng; lượt khách lưu trú đạt 171.834 lượt.

⁴⁸ Huyện Cầu Kè, Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Ngang, Duyên Hải.

⁴⁹ Cụ thể: Các cơ quan, đơn vị cài đặt và sử dụng PC-Covid, tạo mã vuông QR Code để khai báo y tế điện tử. Đến nay, tại 04 chốt kiểm tra y tế đường bộ có 795.142 lượt người qua chốt, trong đó có 562.205 lượt người không qua luồng xanh, 232.937 lượt người qua luồng xanh; có 21.845 điểm gắn bảng quét mã QR; có 175.810 lượt cài đặt PC-Covid, đạt 17,49% so dân số, 31,82% so với tổng số điện thoại thông minh; 117.734 lượt tải và cài đặt app SSKĐT, đạt 16,02% so với tổng số dân trên 18 tuổi. Tổ chức tập huấn sử dụng nền tảng quản lý xét nghiệm và trả kết quả trực tuyến cho các đơn vị. Tiêm chủng 809.187 mũi tiêm.

hộp thư điện tử công vụ⁽⁵⁰⁾; 21 giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh. Cập nhật bản vá lỗi cho hệ điều hành Windows. Thực hiện tốt công tác định hướng các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước⁽⁵¹⁾.

8. Cải cách hành chính, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Phối hợp Văn phòng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ nhận Bản tin điện tử cải cách hành chính. Thẩm định Đề án tổ chức lại Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thị xã Duyên Hải. Triển khai thực hiện phương án mở rộng địa giới hành chính thành phố Trà Vinh.

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành 18 cuộc với 213 tổ chức, cá nhân; phát hiện và xử lý 54 trường hợp vi phạm ở lĩnh vực nông nghiệp, văn hóa, thể thao và du lịch; xử phạt vi phạm hành chính 166,4 triệu đồng. Tổ chức tiếp 236 lượt người đến khiếu nại, tố cáo; nhận 146 đơn; giải quyết 33/113 đơn thuộc thẩm quyền, đạt 29,2%⁽⁵²⁾.

9. Quốc phòng, an ninh

Lực lượng Công an, Quân đội, Biên phòng duy trì nghiêm công tác trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, kiểm soát bảo vệ an toàn trên địa bàn, nắm chắc tình hình và thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Triển khai diễn tập khu vực phòng thủ thành phố Trà Vinh và huyện Trà Cú; tổ chức huấn luyện, rèn luyện cho các đối tượng theo kế hoạch; chuẩn bị các nội dung phục vụ Hội đồng Giáo dục quốc phòng an ninh (Quân khu) kiểm tra công tác giáo dục quốc phòng năm 2021. Thẩm định kết quả xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng an ninh năm 2021. Tiếp tục thực hiện Dự án sản xuất, cấp và quản lý Căn cước công dân, đến ngày 15/11/2021 đã tiếp nhận và xử lý 704.098 hồ sơ, đạt 71% chỉ tiêu của Bộ Công an giao.

Về quản lý kinh tế, môi trường: kiểm tra, phát hiện 04 vụ vi phạm về quản lý kinh tế⁽⁵³⁾, từ đầu năm đến nay đã khởi tố 14 vụ (cao hơn cùng kỳ 02 vụ); 01 vụ phạm tội về tham nhũng (so với cùng kỳ không tăng giảm); khởi tố 02 vụ tội phạm về môi trường (cao hơn cùng kỳ 02 vụ). Kiểm tra, phát hiện 11 vụ vi phạm pháp luật về môi trường, xử phạt vi phạm hành chính 04 vụ, 06 đối tượng.

⁵⁰ Nâng 11 tháng, có 2.330 chứng thư số; 7.779 hộp thư điện tử công vụ.

⁵¹ Tập trung tuyên truyền thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh; Tháng cao điểm “Vì người nghèo” và phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng năm 2021; Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới năm 2021,...

⁵² Trong đó: giải quyết đơn yêu cầu đạt 42,6%, đơn tranh chấp đất đai đạt 12,9%, đơn kiến nghị, phản ánh đạt 60%.

⁵³ Vận chuyển hàng cấm, vi phạm về hóa đơn chứng từ và trốn thuế.

Trật tự xã hội: xảy ra 35 vụ phạm tội về trật tự xã hội⁽⁵⁴⁾; triệt xóa 24 tụ điểm đánh bạc, sử dụng trái phép chất ma túy, bắt xử lý 117 đối tượng, xử phạt vi phạm hành chính 71 đối tượng. Từ đầu năm đến nay, xảy ra 254 vụ (cao hơn cùng kỳ 70 vụ), tỷ lệ điều tra làm rõ đạt trên 90%; riêng tội phạm liên quan đến cờ bạc, xảy ra 57 vụ (cao hơn cùng kỳ 17 vụ). Tổ chức bắt và vận động ra đầu thú 04 đối tượng truy nã. Tiếp nhận nhiều đơn của công dân có liên quan đến vụ việc lợi dụng hình thức góp hội để lừa đảo chiếm đoạt hơn 50 tỷ đồng trên địa bàn thành phố Trà Vinh và huyện Càng Long.

Tội phạm về ma túy: phát hiện 02 vụ, 10 đối tượng phạm tội về ma túy, thu giữ 506 gam ma túy tổng hợp; từ đầu năm 2021 đến nay, phát hiện 94 vụ (01 vụ vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy lớn nhất từ trước đến nay, xảy ra trên địa bàn huyện Càng Long), cao hơn cùng kỳ 04 vụ.

An toàn giao thông: xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông, làm chết 02 người; từ đầu năm đến nay, xảy ra 38 vụ, làm 36 người chết, 14 người bị thương (so với cùng kỳ giảm 03 vụ, tăng 02 người chết, giảm 09 người bị thương). Tổ chức 1.701 cuộc tuần tra đảm bảo TTATGT, phát hiện 1.983 trường hợp vi phạm⁽⁵⁵⁾.

Phòng, chống cháy nổ: từ đầu năm đến nay, xảy ra 02 vụ cháy (giảm 04 vụ so với cùng kỳ), thiệt hại tài sản khoảng 1,8 tỷ đồng; kiểm tra an toàn PCCC tại 332 cơ sở, phát hiện, xử phạt vi phạm hành chính 02 trường hợp.

III. HẠN CHẾ, YẾU KÉM

- *Về kinh tế:* mặc dù đã nới lỏng các biện pháp giãn cách xã hội, khôi phục nhiều hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng nhìn chung hoạt động sản xuất còn nhiều khó khăn do giá cả vật tư đầu vào tăng cao (vật liệu xây dựng, phân bón, xăng dầu, thức ăn chăn nuôi...); sản xuất điện chiếm tỷ trọng lớn, chi phối nhưng phải tiếp tục tiết giảm sản lượng; công nghiệp có phục hồi nhưng tính chung 11 tháng thấp hơn cùng kỳ; các hoạt động hội chợ, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu hàng hóa, thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm... triển khai chưa đảm bảo kế hoạch; tỷ lệ tiêm phòng đàn vật nuôi còn thấp; một số địa phương chưa thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về tình hình dịch bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò; mức hỗ trợ tiêu hủy bò bị dịch bệnh còn thấp nên phần lớn người dân chưa đồng thuận.

- *Về văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh:* đời sống, sinh hoạt của người dân còn nhiều khó khăn; tạo việc làm mới, xuất khẩu lao động, giải quyết đơn thư khiếu nại đạt tỷ lệ còn thấp; vẫn còn một số ít người dân chưa ý thức trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, tâm lý chủ quan, lơ là, y lại vào việc đã được tiêm vắc-xin, nên còn tụ tập đông người, chưa tuân thủ khuyến cáo 5K.

⁵⁴ Điều tra làm rõ 31/35 vụ phạm tội về TTXH (đạt tỷ lệ 88,5%), bắt xử lý 41 đối tượng.

⁵⁵ Trong đó có 82 trường hợp đường thủy, 302 trường hợp vi phạm nông độ cồn, 01 trường hợp ma túy, xử phạt vi phạm hành chính 1.544 trường hợp, số tiền 3,61 tỷ đồng.

IV. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 12/2021

Căn cứ Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2021; trong tháng 12, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm sau:

1. Tập trung rà soát các nhiệm vụ trong năm để dồn sức thực hiện; tổng kết, đánh giá kết quả triển khai Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, triển khai Kế hoạch năm 2022; chuẩn bị tốt các nội dung phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2021 và giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách năm 2022. Đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng Chương trình phát triển đô thị tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

2. Tập trung công tác phòng, chống dịch Covid-19, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức của người dân trong thực hiện các quy định về phòng, chống dịch, nhất là Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của tỉnh và hướng dẫn của ngành chuyên môn; thực hiện điều trị F0 và cách ly tại nhà đảm bảo an toàn; tiếp tục kiểm soát tốt địa bàn, tăng cường sử dụng nền tảng khai báo y tế, quản lý vào, ra bằng QR Code; tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19, nhanh chóng tiêm phủ ít nhất 01 mũi cho 100% người dân trên địa bàn tỉnh.

3. Tập trung hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng xuống giống dứt điểm lúa vụ đông xuân 2021 - 2022 theo đúng lịch thời vụ, trồng hoa kiểng, hoa màu phục vụ Tết Nguyên đán; theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản, hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2021, chuẩn bị tốt cho vụ nuôi 2021 - 2022 gắn với công tác tuyên truyền, khuyến khích luân canh, chuyển đổi đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, hoa màu hoặc cây trái; tập trung xử lý, không chế triệt để dịch bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò và dịch tả heo châu Phi, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức của người dân trong phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi và chấp hành các quy định về khai thác hải sản; tập trung hỗ trợ 15 chủ tàu cá còn lại hoàn thành lắp đặt thiết bị giám sát hành trình; phê duyệt Đề án điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh làm cơ sở cho việc xác định hạn ngạch cấp giấy phép khai thác hải sản nhằm giải quyết dứt điểm việc gỡ “Thẻ vàng” của EC. Chủ động kế hoạch ứng phó nguy cơ hạn, xâm nhập mặn mùa khô 2021-2022.

Chuẩn bị tiếp và làm việc Đoàn thẩm định của Trung ương vào thẩm định, đánh giá huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới; rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu của các xã dự kiến đạt chuẩn năm 2021. Triển khai Đề án phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh giai

đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Tập trung hoàn thành Đề án Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025.

4. Tập trung theo dõi, nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh của các công ty, doanh nghiệp, nhất là những khó khăn, vướng mắc khi trở lại sản xuất trong điều kiện bình thường mới, tình hình sản xuất phục vụ thị trường cuối năm, yêu cầu cam kết sản xuất an toàn, hiệu quả. Triển khai thực hiện đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ngành, huyện thị xã, thành phố (DDCI) tỉnh năm 2021. Hoàn chỉnh Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2022 - 2025.

5. Theo dõi chặt chẽ tiến độ các khoản thu; rà soát, đôn đốc, huy động kịp thời các khoản thu còn thấp; tạo điều kiện thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn sản xuất cho thị trường cuối năm gắn với kiểm soát, xử lý nợ xấu. Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

6. Chủ động các kế hoạch dạy và học phù hợp với tình hình thực tế và phương án chuyển đổi từ dạy học trực tuyến sang trực tiếp. Tập trung ôn tập, hệ thống kiến thức cho học sinh để chuẩn bị kiểm tra học kỳ I năm học 2021-2022; kiểm tra phổ cập giáo dục (*Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT*) xóa mù chữ năm 2021; tuyển chọn và bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi tỉnh dự thi cấp Quốc gia năm 2022. Phê duyệt tài liệu giáo dục địa phương lớp 6; biên soạn tài liệu giáo dục địa phương lớp 7, 8, 9, 10. Tăng cường quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước cho các tổ chức, cá nhân; hoàn thành nội dung Kế hoạch thực hiện hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo năm 2021.

7. Tăng cường tổ chức các cuộc hội thảo, tư vấn giới thiệu việc làm, đảm bảo nguồn lao động cho doanh nghiệp hoạt động trở lại. Chủ động nắm, giám sát việc thực hiện trả lương, thưởng Tết năm 2022 cho người lao động tại các doanh nghiệp. Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công. Hoàn thành công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2021 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ.

8. Hoàn thành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I (2021 - 2025). Thăm hỏi, chúc mừng các chức sắc, chức việc, các tôn giáo nhân dịp kỷ niệm 97 năm Ngày Khai đạo Cao Đài và lễ Thiên Chúa Giáng sinh năm 2021. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng "*Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới*".

9. Tổ chức các hoạt động khởi động và khôi phục hoạt động du lịch trong điều kiện “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Kiểm tra công nhận, tái công nhận các danh hiệu văn hóa.

10. Tiếp tục theo dõi, thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện. Rà soát bổ sung theo yêu cầu Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện. Giám sát chặt chẽ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn phát sinh trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19, dịch bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò bệnh và dịch tả heo châu Phi.

11. Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2022. Sơ kết 05 năm thực hiện mô hình “Chính quyền, công sở thân thiện và trách nhiệm”. Hoàn chỉnh các thủ tục chuẩn bị thi tuyển công chức năm 2021. Lập Đề án điều chỉnh địa giới hành chính, mở rộng thành phố Trà Vinh. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo kịp thời, đúng quy định.

12. Duy trì trực sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình, tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn, đảm bảo an toàn giao thông, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tăng cường công tác phòng, chống vi phạm pháp luật liên quan đến góp hội./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ KH&ĐT (b/c);
- Vụ IV-VPCP;
- Bộ Tư lệnh QK9;
- TT.TU; TTHĐND tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh (3 hệ);
- HĐND, UBND các huyện, Thị xã, thành phố;
- LĐ VP.UBND tỉnh;
- Các phòng NC;
- Lưu VT, THNV. 05

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *rao*
CHỦ TỊCH



Lê Văn Hân



Phụ lục 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 11 NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	ƯTH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	12,961.511	14,027.203	727.879	13,148.893	93.74	101.45
	<i>Trong đó: Thu nội địa</i>	Tỷ đồng	4,202.969	5,000.000	395.047	4,318.889	86.38	102.76
2	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	7,932.878	12,315.250	880.072	8,374.761	68.00	105.57
3	Số dự án đầu tư đăng ký mới⁽¹⁾	Dự án	33		0	17		51.52
	- Số dự án trong nước	Dự án	31		0	16		51.61
	- Số vốn đăng ký trong nước	Tỷ đồng	5,212.75		0.00	10,320.76		197.99
	- Số dự án FDI	Dự án	2	3	0	1		50.00
	- Vốn đăng ký FDI	triệu USD	0.79	250	0.00	0.25		31.65
4	Phát triển doanh nghiệp⁽²⁾							
	- Thành lập mới							
	+ Số doanh nghiệp	DN	420	500	38	333	66.60	79.29
	+ Số chi nhánh, địa điểm kinh doanh		244		17	238		97.54
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	4,057.0		1,132.00	5,674.0		139.86
	- Đăng ký bổ sung							
	+ Số doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc	DN	1,504		41	568		37.77
	+ Vốn bổ sung	Tỷ đồng	906		80	3,385		373.62
	- Giải thể	DN	71		6	74		104.23

(1) Đến nay có 385 dự án còn hiệu lực, trong đó có 42 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký 3,1 tỷ USD và 343 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 122.201,4 tỷ đồng

(2) Đến nay có 3.248 doanh nghiệp, vốn đăng ký 48.135, số lao động 95.737 (trong đó có 2.803 doanh nghiệp đang hoạt động, vốn 43.776 tỷ đồng, 88.415 lao động; có 43 doanh nghiệp FDI)



Phụ lục số 2. SẢN XUẤT NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN THÁNG 11 NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	NÔNG NGHIỆP							
	Diện tích gieo trồng hàng năm	Ha	255,846	245,996	3,520	259,213	105.37	101.32
	* Cây lương thực có hạt							
	- Diện tích gieo trồng	ha	208,833	198,146	409	212,807	107.40	101.90
	- Diện tích thu hoạch	ha	120,661	198,146	2,231	138,563	69.93	114.84
	- Sản lượng	Tấn	599,819	1,105,484	11,245	787,313	71.22	131.26
1	Lúa cả năm							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	205,114	194,346	35	209,016	107.55	101.90
	- Diện tích thu hoạch	Ha	117,336	194,346	1,810	135,545	69.74	115.52
	- Năng suất	Tấn/ha	4.95	5.58	5.00	5.69	101.98	114.93
	- Sản lượng	Tấn	581,013	1,084,584	9,051	771,405	71.12	132.77
a	Lúa mùa							
	- DT gieo sạ	Ha	2,263			1,340		59.21
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2,214			1,340		60.52
	- Năng suất	Tấn/ha	3.94			4.83		122.59
	- Sản lượng	Tấn	8,722			6,471		74.19
b	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	60,457	50,346		59,734	118.65	98.80
	- Diện tích thu hoạch	Ha	43,919	50,346		59,734	118.65	136.01
	- Năng suất	Tấn/ha	4.88	6.60		6.41	97.06	131.27
	- Sản lượng	Tấn	214,319	332,284		382,643	115.16	178.54
c	Lúa Hè thu							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	73,738	74,000		72,779	98.35	98.70
	- Diện tích thu hoạch	Ha	69,986	74,000		72,661	98.19	103.82
	- Năng suất	Tấn/ha	5.03	5.20		5.14	98.78	102.11
	- Sản lượng	Tấn	352,086	384,800		373,240	97.00	106.01
d	Lúa Thu đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	68,656	70,000	35	75,163	107.38	109.48
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,217	70,000	1,810	1,810	2.59	148.76
	- Năng suất	Tấn/ha	4.84	5.25	5.00	5.00	95.25	103.35
	- Sản lượng	Tấn	5,887	367,500	9,051	9,051	2.46	153.75
2	Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	50,732	51,650	3,485	50,197	97.19	98.95
	- Diện tích thu hoạch	Ha	46,044	51,650	5,623	44,075	85.33	95.72
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	24.42	25.53	30.15	24.80	97.13	101.53
	- Sản lượng	Tấn	1,124,560	1,318,608	169,524	1,092,878	82.88	97.18
a	Màu lương thực							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,972	6,170	484	6,000	97.24	100.47
	- Diện tích thu hoạch	Ha	5,161	6,170	804	4,791	77.66	92.84
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	9.71	9.71	10.49	9.26	95.43	95.41
	- Sản lượng	Tấn	50,113	59,895	8,432	44,387	74.11	88.57
	Trong đó:							
	+ Bắp:							

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3,719	3,800	374	3,791	99.76	101.94
	- Diện tích thu hoạch	Ha	3,325	3,800	421	3,018	79.43	90.77
	- Năng suất	Tấn/ha	5.66	5.50	5.21	5.27	95.82	93.19
	- Sản lượng	Tấn	18,805	20,900	2,194	15,907	76.11	84.59
	+ <i>Khoai lang</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,202	1,250	77	1,217	97.39	101.28
	- Diện tích thu hoạch	Ha	997	1,250	157	968	77.45	97.09
	- Năng suất	Tấn/ha	17.82	16.20	16.31	16.33	100.81	91.65
	- Sản lượng	Tấn	17,771	20,250	2,558	15,812	78.09	88.98
	+ <i>Khoai mì</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	654	670	21	613	91.43	93.63
	- Diện tích thu hoạch	Ha	515	670	122	486	72.60	94.37
	- Năng suất	Tấn/ha	16.27	17.50	16.30	15.74	89.94	96.76
	- Sản lượng	Tấn	8,385	11,725	1,986	7,657	65.30	91.31
	+ <i>Cây có củ khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	397	450	12	379	84.23	95.55
	- Diện tích thu hoạch	Ha	323	450	104	318	70.74	98.56
	- Năng suất	Tấn/ha	15.95	15.60	16.30	15.74	100.90	98.68
	- Sản lượng	Tấn	5,152	7,020	1,694	5,011	71.37	97.26
b	Màu thực phẩm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	30,752	31,980	1,908	30,546	95.52	99.33
	- Diện tích thu hoạch	Ha	29,057	31,980	2,853	27,574	86.22	94.90
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	22.18	22.19	22.45	22.21	100.09	100.12
	- Sản lượng	Tấn	644,624	709,638	64,053	612,433	86.30	95.01
	Trong đó:							
	+ <i>Rau màu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	30,287	31,500	1,877	30,096	95.54	99.37
	- Diện tích thu hoạch	Ha	28,642	31,500	2,807	27,176	86.27	94.88
	- Năng suất	Tấn/ha	22.48	22.50	22.79	22.51	100.04	100.13
	- Sản lượng	Tấn	643,862	708,750	63,972	611,723	86.31	95.01
	+ <i>Đậu các loại</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	465	480	31	451	93.88	96.91
	- Diện tích thu hoạch	Ha	415	480	46	398	83.00	95.94
	- Năng suất	Tấn/ha	1.83	1.85	1.78	1.78	96.27	97.11
	- Sản lượng	Tấn	762	888	81	710	79.91	93.17
c	Cây công nghiệp hàng năm							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	14,008	13,500	1,093	13,651	101.12	97.45
	- Diện tích thu hoạch	Ha	11,826	13,500	1,967	11,709	86.73	99.01
	- Năng suất bình quân	tấn/ha	36.35	40.67	49.34	37.24	91.56	102.46
	- Sản lượng	Tấn	429,824	549,075	97,039	436,058	79.42	101.45
	Trong đó:							
	+ <i>Mía cây</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1,689	1,200	41	1,370	114.20	81.14
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,532	1,200	185	1,237	103.09	80.77
	- Năng suất	Tấn/ha	87.88	100.00	90.56	90.37	90.37	102.83
	- Sản lượng	Tấn	134,609	120,000	16,726	111,799	93.17	83.05

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
	+ <i>Đậu phộng</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4,234	4,500	80	4,267	94.82	100.78
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,086	4,500	182	4,058	90.17	99.29
	- Năng suất	Tấn/ha	5.06	5.35	5.40	5.22	97.59	103.12
	- Sản lượng	Tấn	20,690	24,075	983	21,184	87.99	102.39
	+ <i>Cây lác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	2,463	2,500	200	2,483	99.30	100.79
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1,917	2,500	397	2,065	82.61	107.76
	- Năng suất	Tấn/ha	11.96	12.00	10.90	10.92	91.00	91.30
	- Sản lượng	Tấn	22,922	30,000	4,328	22,553	75.18	98.39
	+ <i>Cây khác</i>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	5,622	5,300	772	5,531	104.35	98.38
	- Diện tích thu hoạch	Ha	4,291	5,300	1,203	4,349	82.06	101.35
	- Năng suất	Tấn/ha	58.63	70.75	62.35	64.50	91.16	110.01
	- Sản lượng	Tấn	251,603	375,000	75,003	280,522	74.81	111.49
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	99	63	4	52	82.54	52.53
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	338.32	310		282.714	91.20	83.56
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5,107	3,290		3,290.00	100.00	64.42
C	THỦY - HẢI SẢN:							
1	Tổng sản lượng	Tấn	212,556	237,580	22,640	209,266	88.08	98.45
	Trong đó : - Tôm các loại	"	73,476	78,330	6,974	77,192	98.55	105.06
	- <i>Sản lượng Khai thác</i>	<i>Tấn</i>	<i>69,929</i>	<i>79,380</i>	<i>6,259</i>	<i>65,480</i>	<i>82.49</i>	<i>93.64</i>
	+ <i>Khai thác hải sản (mặn, lợ)</i>	<i>Tấn</i>	<i>62,543</i>	<i>71,500</i>	<i>5,575</i>	<i>58,982</i>	<i>82.49</i>	<i>94.31</i>
	Trong đó: - Tôm các loại	"	4,822	6,000	272	4,658	77.64	96.60
	- Cá các loại	"	35,769	40,000	3,691	29,538	73.85	82.58
	- Hải sản khác	"	21,952	25,500	1,612	24,785	97.20	112.91
	+ <i>Khai thác nội đồng (nước ngọt)</i>	<i>Tấn</i>	<i>7,386</i>	<i>7,880</i>	<i>685</i>	<i>6,498</i>	<i>82.47</i>	<i>87.98</i>
	Trong đó: - Tôm các loại	"	599	630	4	627	99.52	104.75
	- Cá các loại	"	1,717	1,850	117	1,672	90.39	97.40
	- Thủy sản khác	"	5,071	5,400	564	4,199	77.76	82.81
	- <i>Sản lượng Nuôi trồng thủy sản</i>	<i>Tấn</i>	<i>142,627</i>	<i>158,200</i>	<i>16,381</i>	<i>143,786</i>	<i>90.89</i>	<i>100.81</i>
	Trong đó: + <i>Vùng mặn lợ</i>	"	74,782	78,500	7,103	78,939	100.56	105.56
	- Tôm sú	"	13,132	12,500	1,060	12,774	102.19	97.28
	- Tôm thẻ chân trắng	"	53,187	56,800	5,301	57,696	101.58	108.48
	- Cua biển	"	6,768	7,000	610	6,655	95.08	98.33
	- Thủy sản khác	"	1,695	2,200	133	1,813	82.41	106.95
	+ <i>Vùng nước ngọt</i>	"	67,845	79,700	9,278	64,847	81.36	95.58
	- Tôm càng xanh	"	1,736	2,400	338	1,436	59.85	82.73
	- Cá lóc	"	45,426	48,300	7,257	46,672	96.63	102.74
	- Cá tra, cá ba sa	"	4,144	6,000	-	4,344	72.40	104.81
	- Cá các loại	"	16,538	23,000	1,683	12,395	53.89	74.95

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	ƯTH tháng 11	Cộng dồn từ đầu vụ đến 15/11	Kế hoạch	Cùng kỳ
2	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	60,765	57,600	1,041	55,649	96.61	91.58
	- Diện tích nuôi mặn, lợ	Ha	57,567	53,400	777	51,941	97.27	90.23
	Trong đó: - Nuôi tôm sú	"	24,890	23,000	309	22,101	96.09	88.80
	- Tôm thẻ chân trắng	"	9,178	9,500	360	7,528	79.24	82.02
	- Nuôi cua biển	"	23,250	19,000	108	21,843	114.96	93.95
	- Thủy sản khác	"	250	1,900	-	470	24.74	188.00
	- Diện tích nuôi nước ngọt	Ha	3,197	4,200	264	3,708	88.27	115.96
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	22,199		255	20,017		90.17
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2,331		82	2,314		99.27
	- Diện tích thả nuôi	Ha	24,890		309	22,101		88.80
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	943		50	1,231		130.56
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1,738		19	1,385		79.67
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	181		8	200		110.35
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	10.42		41.84	14.43		138.51
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	20,320		733	18,698		92.02
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	3,115		128	2,603		83.56
	- Diện tích thả nuôi	Ha	9,178		360	7,528		82.02
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	998		63	949		95.15
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	5,335		275	4,835		90.62
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	736		27	571		77.51
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	13.80		9.64	11.80		85.53



Phụ lục số 3. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI THÁNG 11 NĂM 2021

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2020	Năm 2021			So sánh (%)	
				Kế hoạch	U' TH tháng 11	U' TH 11 tháng	Kế hoạch	Cùng kỳ
A	GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP - TTCN (GIÁ 2010)	Tỷ đồng	33,494.434	45,145.000	2,263.792	29,430.472	65.19	87.87
	<i>Trong đó:</i>							
	- Khai khoáng	Tỷ đồng	11.340	13.220	1.009	11.377	86.06	100.33
	- Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	13,729.929	16,492.000	994.763	11,884.954	72.06	86.56
	- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.	"	19,507.335	28,326.900	1,244.149	17,281.180	61.01	88.59
	- Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	"	245.829	312.880	23.871	252.960	80.85	102.90
	Sản phẩm chủ yếu:							
1	Thủy sản đông lạnh	Tấn	8,970	11,500	640	7,023	61.07	78.30
2	Đường kết	Tấn	12,371	15,000		5,951	39.67	48.10
3	Than hoạt tính	Tấn	6,787	7,800	550	7,513	96.32	110.70
4	Thuốc viên các loại	Tr.viên	788	1,002	85	932	93.02	118.30
5	May mặc (quần áo các loại)	1000chiếc	5,427	19,488	294	3,629	18.62	66.88
6	Thảm dệt các loại	1000m ²	1,591	2,000	140	1,560	78.02	98.09
7	Nước sinh hoạt	1000m ³	27,819	32,800	2,470	28,286	86.24	101.68
8	Gạo xay xát	Tấn	271,480	749,834	17,171	208,815	27.85	76.92
9	Bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô	1000 bộ	10,567	11,235	1,085	8,637	76.87	81.73
10	Sản xuất túi xách các loại	1000cái	1,908	3,725	168	2,222	59.64	116.47
11	Giày thành phẩm	1000 đôi	7,834		153	1,668		21.30
12	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. Kwh	1,000	1,300	85	1,018	78.28	101.72
13	Sản lượng điện sản xuất	Tr. Kwh	18,004	26,748	1,133	15,857	59.28	88.08
B	TỶ LỆ HỘ SỬ DỤNG ĐIỆN TRONG TỈNH	%	99.08	99.20		99.25	100.05	100.17
	Phát triển hộ sử dụng điện	Hộ	10,312	4,000	102	3,124	78.10	30.29
C	TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ	Tỷ đồng	31,511.97	36,000.00	2,103.99	29,097.81	80.83	92.34
	Bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng	22,364.11	24,787.44	1,553.58	21,284.95	85.87	95.17
	Dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng	4,929.06	5,820.00	298.45	4,346.35	74.68	88.18
	Du lịch lữ hành	Tỷ đồng	20.28	23.20		13.86	59.76	68.37
	Dịch vụ khác	Tỷ đồng	4,198.52	5,369.36	251.96	3,452.64	64.30	82.23